

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST

Ngày 11/9/2018

V/v: “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Trần Văn Tiền

2. Bà: Phạm Thị Em

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018, về việc: “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Phủ Minh A**, sinh năm 1981.

+ Bị đơn: **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị A có mặt, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Phủ Minh A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh D ở ấp 7 (nay là ấp An Thạnh), xã B. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do gia đình chồng khó khăn với con dâu, anh D không quan tâm chia sẻ mà bỏ mặc chị vợ con. Chị nhiều lần động viên khuyên giải chồng và cố gắng hòa hợp với gia đình chồng để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn nên chị bồng con về nhà mẹ ruột tại xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre sinh sống và đã ly thân với anh D từ tháng 5/2017 đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh D không thể hàn gắn lại được nên xin ly hôn.

Trong thời gian chung sống chị và anh D có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 10/11/2012 hiện chị đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Phủ Minh A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình thụ lý giải quyết do A với bị đơn anh Nguyễn Văn D, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh D vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo luật định.

Tòa án đã tiến hành việc cấp tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai cho bị đơn là anh Nguyễn Văn D để đưa vụ kiện ra xét xử nhưng anh D vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét thấy, chị Nguyễn Phủ Minh A và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống do không cùng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được nên anh chị đã không sống chung từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Nay, chị A khẳng định tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp được nên xin ly hôn. Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải và thông báo việc giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không lý do coi như đã từ bỏ ý định xin được đoàn tụ với chị A. Qua xác minh thu thập chứng cứ ở địa phương nơi anh chị sinh sống cho thấy, anh D và chị A đã có thời gian sống ly thân để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể hòa hợp được. Do anh D vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho anh chị đoàn tụ được mà lập biên bản hòa giải đoàn tụ không được. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị A và anh D đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị A, xử cho chị A và anh D được ly hôn.

[3] Trong thời gian chung sống anh D và chị A có 01 con chung tên: Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 10/11/2012 hiện đang sống với chị A. Chị A yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện

cháu H đang sống với mẹ, chị A vẫn đảm bảo được việc nuôi dạy con tốt không có vi phạm gì. Để đảm bảo cho đời sống của cháu sau này và để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu nên chấp nhận yêu cầu của chị A. Xử cho chị A được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp. Chị A không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con (mặc dù Tòa đã giải thích). Xét đây là sự tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung chị A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Phú Minh A đối với anh Nguyễn Văn D.

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Phú Minh A và anh Nguyễn Văn D được ly hôn.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Phú Minh A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 10/11/2012 cho đến khi tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

+ Về án phí:

Chị Nguyễn Phú Minh A phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016919 ngày 26/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị A đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T. Bến Tre;
- VKS H. Châu Thành;
- THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thúy Hằng

